TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TS** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 103/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 22/6/2023
V/v: "Tranh chấp về hôn nhân và gia đình - Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TS, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Minh Tâm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Diệp Thị Thu Nguyệt

2. Ông Nguyễn Thành Phước

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Thắng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện TS, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TS tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lam Em – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 6 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện TS xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 13/2023/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 01 năm 2023 về việc "Tranh chấp về hôn nhân và gia đình – Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 95/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 5 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 83/2023/QĐST-HNGĐ ngày 06 tháng 6 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Lê Ngọc C, sinh năm 1974 (Có mặt)

Địa chỉ: khóm PH, thị trấn PH1, huyện TS, tỉnh An Giang.

- Bị đơn: Chị Nguyễn Thị D, sinh năm 1973 (Vắng mặt)

Địa chỉ: khóm PH, thị trấn PH1, huyện TS, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn anh Lê Ngọc C trình bày:*

Anh và chị Nguyễn Thị D tự tìm hiểu và sống chung vào năm 1995, không tổ chức đám cưới nhưng có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn PH1, huyện TS, tỉnh An Giang ngày 18/01/2018. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, có 02 con chung. Đến năm 2020 vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, không còn hòa hợp, vợ chồng thường xuyên cự cãi. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 12 năm 2020 đến nay. Nhận thấy, tình cảm không còn, cuộc sống hôn nhân không thể hàn gắn và kéo dài nên anh yêu cầu được ly hôn chị Nguyễn Thị D.

- Về quan hệ con chung: Có 02 con chung tên Lê Ngọc C1, sinh ngày 23/3/1996 và Lê Gia B, sinh ngày 27/11/2002, đều đã thành niên.

- Về quan hệ tài sản:

+ Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

+ Về nợ chung: Không có.

** Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn chị Nguyễn Thị D trình bày:*

Chị và anh Lê Ngọc C tự tìm hiểu và sống chung vào năm 1995, không tổ chức đám cưới nhưng có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn PH1, huyện TS, tỉnh An Giang ngày 18/01/2018. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, có 02 con chung. Đến 2020 anh C có quan hệ với người phụ nữ khác bên ngoài, nhiều lần chị bắt gặp nên có chửi, chị có động viên anh C chấm dứt quan hệ với người phụ nữ đó chị sẽ bỏ qua nhưng anh C không đồng ý và đã bỏ nhà đi nên sống ly thân cuối năm 2020 đến nay. Nay anh C yêu cầu ly hôn, chị không đồng ý ly hôn, chị có mong muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng, chị sẽ bỏ qua lỗi lầm cho anh C để lo cưới vợ cho các con xong thì mới tính chuyện ly hôn.

- Về quan hệ con chung: Có 02 con chung tên Lê Ngọc C1, sinh ngày 23/3/1996 và Lê Gia B, sinh ngày 27/11/2002, đều đã thành niên.

- Về quan hệ tài sản:

+ Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

+ Về nợ chung: Không có.

** Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:* Việc Tòa án tiến hành thụ lý giải quyết là đúng theo trình tự thủ tục và thẩm quyền, trong quá trình tiến hành tố tụng Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký tuân thủ đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; các đương sự trong vụ án cũng thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định pháp luật. Về nội dung: Căn cứ theo các quy định của pháp luật, đề nghị chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Lê Ngọc C.

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Lê Ngọc C được ly hôn chị Nguyễn Thị D.

- Về con chung: Có 02 con chung tên Lê Ngọc C1, sinh ngày 23/3/1996 và Lê Gia B, sinh ngày 27/11/2002. Các con đã thành niên nên không xem xét.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không đặt ra xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa và các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình về ly hôn, bị đơn chị Nguyễn Thị D có địa chỉ tại khóm PH, thị trấn PH1, huyện TS, tỉnh An Giang nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện TS theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Bị đơn chị Nguyễn Thị D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng. Căn cứ quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn chị Nguyễn Thị D.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Lê Ngọc C và chị Nguyễn Thị D tự tìm hiểu và sống chung vào năm 1995, không tổ chức đám cưới nhưng có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn PH1, huyện TS, tỉnh An Giang ngày 18/01/2018. Vì vậy, đây là hôn nhân hợp pháp phù hợp với quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên được pháp luật thừa nhận và B vệ.

Xét yêu cầu ly hôn của anh Lê Ngọc C, Hội đồng xét xử xét thấy: Anh C và chị D sau khi kết hôn cuộc sống vợ chồng hạnh phúc và có 02 con chung. Đến năm 2020 vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, không còn hòa hợp, vợ chồng thường xuyên cự cãi. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 12 năm 2020 đến nay. Về phía chị D trình bày năm 2020 anh C có quan hệ với người phụ nữ khác bên ngoài, nhiều lần chị bắt gặp nên có chửi, chị có khuyên nhưng anh C vẫn không sửa đổi nên đã sống ly thân từ cuối năm 2020, anh C yêu cầu ly hôn thì chị không đồng ý, chị có mong muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành hòa giải để tạo điều kiện cho anh C và chị D hàn gắn tình cảm vợ chồng, nhưng anh C vẫn kiên quyết yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị D vì tình cảm vợ chồng đã không còn, cuộc sống hôn nhân không còn

hạnh phúc và thời gian ly thân đã lâu, chị D không đồng ý ly hôn nhưng lại không đưa ra được giải pháp để hàn gắn tình cảm vợ chồng và tại phiên tòa chị D lại vắng mặt không lý do nên không ghi nhận được ý kiến.

Từ những nhận định, phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy, tình trạng hôn nhân giữa anh C và chị D đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó có đủ căn cứ để áp dụng Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Lê Ngọc C.

[2.2] Về quan hệ con chung: Có 02 con chung tên Lê Ngọc C1, sinh ngày 23/3/1996 và Lê Gia B, sinh ngày 27/11/2002, đều đã thành niên.

[2.3] Về tài sản chung: Tự thỏa thuận nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.4] Về nợ chung: Không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Do anh Lê Ngọc C yêu cầu giải quyết ly hôn nên phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 9, Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Căn cứ khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của anh Lê Ngọc C.

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Lê Ngọc C được ly hôn chị Nguyễn Thị D.

Giấy chứng nhận kết hôn số 08/2018 ngày 18 tháng 01 năm 2018 của Ủy ban nhân dân thị trấn PH1, huyện TS, tỉnh An Giang không còn giá trị pháp lý.

2. Về quan hệ con chung: Có 02 con chung tên Lê Ngọc C1, sinh ngày 23/3/1996 và Lê Gia B, sinh ngày 27/11/2002, đều đã thành niên.

3. Về quan hệ tài sản:

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận.

- Về nợ chung: Ghi nhận anh Lê Ngọc C và chị Nguyễn Thị D không có nợ chung, nhưng sau khi bản án này có hiệu lực pháp luật, nếu có nguyên đơn

khởi kiện xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của anh, chị trong thời kỳ sống chung thì anh Lê Ngọc C và chị Nguyễn Thị D vẫn phải liên đới chịu trách nhiệm với tư cách là đồng bị đơn trong vụ án dân sự khác.

4. Về án phí: Anh Lê Ngọc C phải chịu 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0011468 ngày 10 tháng 01 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện TS, tỉnh An Giang.

5. Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu Thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện TS;
- Chi cục THADS huyện TS;
- UBND TT.PH1, huyện TS, tỉnh An Giang;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phan Thị Minh Tâm